

Số: /2024/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Quyết định 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên tại Tờ trình số/TTr-STTTT ngày .../.../2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày và thay thế Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về

việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các ban xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Nguyên;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng
Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi là Mạng truyền số liệu chuyên dùng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các cơ quan, tổ chức cung cấp, quản lý và sử dụng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị tham gia kết nối sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh gồm:

- Các ban thuộc tỉnh ủy; huyện ủy, thành ủy; Đảng ủy xã, phường, thị trấn;
- Đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã).
- Toà án nhân dân tỉnh, toà án nhân dân cấp huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;
- Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.
- Các cơ quan, tổ chức thuộc ngành dọc đặt tại tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) tỉnh Thái Nguyên gồm mạng truy nhập cấp I kết nối đến Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh và mạng truy nhập cấp 2 kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp của tỉnh Thái Nguyên.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng được tổ chức, quản lý thống nhất, bảo đảm chất lượng, an toàn thông tin, sử dụng để kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan cấp trên.

2. Mạng trực là thành phần thuộc Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước tỉnh Thái Nguyên; có tổ chức là hệ thống mạng trung gian phục vụ chuyển tiếp kết nối giữa mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước tỉnh Thái Nguyên sử dụng dịch vụ với nhau.

3. Mạng truy nhập là hệ thống gồm thiết bị đầu cuối, kênh truyền phục vụ kết nối từ mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan Đảng, Nhà nước sử dụng dịch vụ đến mạng trực. Mạng truy nhập bao gồm mạng truy nhập cấp I có phạm vi kết nối từ trung ương đến cấp tỉnh và mạng truy nhập cấp II có phạm vi kết nối từ tỉnh đến cấp xã.

4. Cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ là cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Mạng truyền số liệu chuyên dùng

Mạng truyền số liệu chuyên dùng được thiết lập, vận hành và quản lý, duy trì hoạt động bảo đảm theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 4 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước (Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Chính phủ).

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

Điều 5. Quản lý, vận hành mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng có phạm vi kết nối từ tỉnh đến cấp xã cung cấp dịch vụ cho các cơ quan quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng được tổ chức, quản lý như sau:

a) Sở Thông tin và Truyền thông quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Sở Thông tin và Truyền thông triển khai mạng truy nhập cấp II tuân thủ các quy định về vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Chính phủ và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Các cơ quan Đảng thực hiện quản lý, vận hành mạng truyền số liệu chuyên dùng theo hướng dẫn của Văn phòng tỉnh ủy.

3. Quản lý thiết bị Mạng truyền số liệu chuyên dùng

a) Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp I đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nhiệt độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7), đảm bảo an toàn, an ninh; cử đầu mối hỗ trợ Cục Bưu điện Trung ương và doanh nghiệp viễn thông (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp I) trong công tác phối hợp xử lý sự cố và quản lý, kiểm kê, đánh giá chất lượng thiết bị hàng năm. Thông báo cho Cục Bưu điện Trung ương và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

b) Đối với thiết bị của mạng truy nhập cấp II: các cơ quan, đơn vị sử dụng đảm bảo việc bố trí địa điểm lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (nhiệt độ, nguồn điện đảm bảo cho thiết bị hoạt động 24/7,...), đảm bảo an toàn, an ninh. Các cơ quan, đơn vị sử dụng thông báo cho đầu mối hỗ trợ của tỉnh và doanh nghiệp viễn thông khi có yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của thiết bị.

Điều 6. Kết nối trong mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Các thành phần của Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối với nhau bằng hạ tầng kênh truyền; các cơ quan Đảng, Nhà nước thuộc tỉnh kết nối đến mạng trực bằng cáp quang trực tiếp hoặc kết nối qua hạ tầng của doanh nghiệp.

2. Cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ được quy định tại Điều 2 Quy chế này kết nối với nhau thông qua mạng trực.

3. Mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối với các mạng viễn thông khác và các hệ thống thông tin để phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước thuộc tỉnh.

4. Mô hình kết nối mạng địa chỉ IP và định tuyến theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 7. Bảo đảm an toàn thông tin

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống thông tin kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng được bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Chính phủ; Điều 9 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, công kết nối phải được kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin và khắc phục các lỗ hổng bảo mật (nếu có) trước khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng:

a) Các đơn vị chủ quản của Trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, cổng kết nối thực hiện đánh giá an toàn thông tin cho đầy đủ các thiết bị, ứng dụng, phần mềm trong Trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, cổng kết nối. Khắc phục các lỗ hổng bảo mật (nếu có), có văn bản xác nhận đánh giá an toàn thông tin của đơn vị có chức năng đánh giá về an toàn thông tin sau khi khắc phục trước khi kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng.

b) Thực hiện kiểm tra định kỳ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc chia sẻ thông tin giám sát an toàn thông tin cho thiết bị tham gia kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Yêu cầu tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 8. Sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Dịch vụ cung cấp trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng bao gồm các dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Chính phủ.

2. Ứng dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng bao gồm:

a) Ứng dụng phục vụ các cơ quan Đảng;

b) Ứng dụng phục vụ HĐND&UBND tỉnh;

c) Các ứng dụng khác phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước thuộc tỉnh.

3. Chất lượng dịch vụ của mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Chính phủ.

Điều 9. Đăng ký sử dụng, dùng sử dụng các dịch vụ của mạng truyền số liệu chuyên dùng

Các cơ quan, đơn vị có nhu cầu đăng ký sử dụng, dùng sử dụng các dịch vụ của mạng truyền số liệu chuyên dùng gửi văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 10. Kinh phí bảo đảm hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng

Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí thuê, duy trì hoạt động và kinh phí sử dụng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này theo các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương III

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan việc quản lý, vận hành, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.
2. Quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.
3. Tham mưu Kế hoạch đưa các dịch vụ, ứng dụng dùng chung trên địa bàn tỉnh sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng; nghiên cứu, đề xuất nâng cấp, mở rộng, duy trì và phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh phù hợp với nhu cầu sử dụng của địa phương.
4. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai các nền tảng, hệ thống quản lý tập trung của Cục Bưu điện Trung ương tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh.
5. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.
6. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn, đào tạo kiến thức quản trị hệ thống, an toàn mạng, bảo mật thông tin, quản lý và khai thác Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh nhằm giúp các tổ chức, cá nhân sử dụng hiệu quả và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
7. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp viễn thông thực hiện các biện pháp bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin trên địa bàn tỉnh.
8. Tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng thuộc cấp tỉnh quản lý trong dự toán giao đầu năm của Sở Thông tin và Truyền thông gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông bảo đảm kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động của Mạng truyền số liệu chuyên dùng và việc sử dụng dịch vụ của các cơ quan Đảng, Nhà nước theo các quy định tại Quyết định này.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh

1. Quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn theo Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Triển khai kết nối mạng truyền số liệu chuyên dụng tới đơn vị, tuân thủ các quy định về vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ để tổ chức quản lý, vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương.

2. Khi cần bổ sung, thay đổi điểm kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương, gửi văn bản đề nghị về Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Bố trí kinh phí quản lý, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng đối với cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Trước ngày 01/12 hàng năm báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ

1. Kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ trước khi kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Điều 8 của Quyết định này.

2. Giám sát an toàn thông tin, kiểm soát truy nhập trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ khi kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng, chia sẻ thông tin giám sát theo quy định tại Quyết định này.

3. Bảo đảm hạ tầng lắp đặt thiết bị hoạt động ổn định, liên tục, bảo vệ thiết bị và hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng đặt tại cơ quan, tổ chức.

4. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên mạng truyền số liệu chuyên dùng theo đúng quy định của pháp luật liên quan.

5. Thực hiện thông báo với Sở Thông tin và Truyền thông khi có thay đổi trong việc sử dụng các dịch vụ của mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ

1. Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định tại Quyết định này và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Bảo đảm hoạt động hạ tầng truyền dẫn phục vụ mạng truy nhập cấp II.
- Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.
- Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin mạng quy định tại Thông tư và pháp luật liên quan hiện hành.

- Tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp hạ tầng kết nối cho mạng truy nhập cấp II có trách nhiệm xác định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

2. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Thông tư 19/2023/TT-BTTTT.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp các Sở, ban, ngành Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị liên quan phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.